TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh;
2. Ông Trần Văn Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang (cơ sở 2), đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Thu L - sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Anh Danh T - sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã G, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2026 của nguyên đơn chị Thị Thu L trình bày: Tôi và anh Danh T không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên đến năm 2008 chúng tôi được cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh K (cũ) vào ngày 14/02/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cải vã, chồng tôi chửi tôi và chúng tôi đã ly thân cách nay hơn 6 tháng. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010, hiện nay con đang sống chung với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với chồng tôi là Danh T.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010, hiện nay con đang sống chung với tôi nên tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2026 bị đơn anh Danh T trình bày: Tôi và vợ tôi không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên đến năm 2008 chúng tôi được cha mẹ hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh K (cũ) vào ngày 14/02/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi với bạn đi chơi với bàn bè chung với người đàn ông khác nên tôi không cho vợ tôi nhậu chung rồi vợ chồng cải nhau nên vợ tôi bỏ đi cách nay hơn 6 tháng. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi con.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010, hiện nay con đang sống chung với tôi nên tôi đồng ý giao các con cho vợ tôi được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ và xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con.

Về con chung: Tôi xác định có 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010, hiện nay con đang sống chung với tôi nên tôi đồng ý giao các

con cho vợ tôi được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như tôi trình bày trên nên tôi không có yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Thị Thu L và anh Danh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Thị Thu L và anh Danh T là bị đơn không có mặt tại phiên tòa nhưng chị L và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thị Thu L và anh Danh T là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị Thu L xác lập quan hệ hôn nhân với anh Danh T vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh K (cũ) vào ngày 14/02/2008 cho nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị Thị Thu L và anh Danh T là hôn nhân tự nguyện và có đăng kí kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nhưng trước khi kết hôn anh chị không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối nên anh chị chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau. Vì vậy, khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp. Chị L cho rằng do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cải vã, anh T chửi chị. Hơn nữa, chị không còn tình cảm với anh T và anh chị đã ly thân hơn 6 tháng. Mặc khác, chị L xác định sống với anh T không có hạnh phúc nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với anh. Còn anh T cho rằng do chị L đi chơi với bàn bè chung với người đàn ông khác nên anh không cho chị L nhậu chung rồi anh chị cải nhau nên chị L bỏ đi cách nay hơn 6 tháng nên anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Hơn nữa, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn vì lớn nhưng chị L lại đòi ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do anh chị chưa tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và tính tình hai người không hợp nhau và vợ chồng đã sống ly thân hơn 6 tháng. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vu án chị L đã tỏ rõ thái

độ không còn tình cảm và thương yêu gì đối với anh T nữa nên chị cương quyết ly hôn với anh. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Thu L.

[4] Về con chung: Chị Thị Thu L và anh Danh T xác định anh chị có 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010, hiện nay các con đang sống chung với chị L nên anh chị thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ 03 người con chung tên Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, cháu Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, cháu Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Danh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu N, cháu T1 và cháu V cũng có nguyện vọng muốn sống với chị L. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về con chung của chị Thị Thu L và anh Danh T.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Thu L và anh Danh T xác định anh chị không có tài sản chung và không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị Thu L phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 301435, ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị Thu L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị thu L được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị Thu L và anh Danh T là giao cháu Danh Chí N - sinh ngày 04/12/2008, cháu Danh Minh T1 - sinh ngày 09/10/2010, cháu Danh Minh V - sinh ngày 08/10/2010 cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đồng thời, cháu N, cháu T1 và cháu V cũng có nguyện vọng muốn sống với chị L.

Anh Danh T có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX Miễn xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng chị Thị Thu L phải nộp do chị có yêu cầu xin ly hôn nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai thu số 301435, ngày 11/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị Thu L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 24/4/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoài Thanh